

MỤC LỤC

I. Thông tin chung		III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	
Thông tin khái quát	2	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2	Tình hình tài chính	12
Quá trình hình thành và phát triển	3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	12
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
Định hướng phát triển	5	IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	
Các rủi ro	5	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	13
II. Tình hình hoạt động trong năm		Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD Công ty	13
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6	Kế hoạch, định hướng của HĐQT	13
Tổ chức nhân sự	7	V. Quản trị Công ty	
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	8	Hội đồng quản trị hướng của HĐQT	14
Tình hình tài chính	8	Ban kiểm soát	15
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD	16
			16
		VI. Báo cáo tài chính	
		Ý kiến kiểm toán	17
		Báo cáo tài chính được kiểm toán	18

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT			
HĐQT	Hội đồng quản trị	TM	Thương mại
BKS	Ban kiểm soát	SXKD	Sản xuất kinh doanh
BGD	Ban Giám đốc	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
PGĐ	Phó Giám đốc	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông		

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỨC TRUNG**
Giấy chứng nhận ĐKDN số: **0301466299**
Vốn điều lệ: **111.000.000.000** đồng (Một trăm mười một tỷ đồng./.)
Địa chỉ: **99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
Điện thoại: **028.38116175** Fax: **028.38119815**
Website: **www.ductrung.vn**
Mã cổ phiếu: **DTI**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

**Ngành nghề
kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.

**Địa bàn kinh
doanh**

- Thành Phố Hồ Chí Minh
- Phú Quốc
- Hà Nội

3. Quá trình hình thành và phát triển**1994**

- Thành lập ngày 22/06/1994, Công ty TNHH-TM Đức Trung hoạt động trong lĩnh vực thương mại.
- Công ty đã được nhiều tập đoàn lớn như Dyno Industries, Damixa, In-Sink-Erator, Suter, Blum bổ nhiệm làm nhà phân phối tại Việt Nam và Đức Trung đã trở thành một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực nội thất.

2015 -2018

- Từ 2007 Công ty Đức Trung đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ 99A1 Cộng Hòa, dự án luôn đạt hiệu quả với công suất lấp đầy khoảng 95% và ổn định từ 2008 đến nay.
- Cuối năm 2015 Công ty quyết định đầu tư sang lĩnh vực khách sạn du lịch.
- Năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung, giấy phép kinh doanh số 0301466299 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 06/05/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.
- Cuối năm 2016, Công ty tăng vốn điều lệ lên 111 tỷ đồng bằng việc phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu.
- Ngày 07/12/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 22/12/2017, Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DTI.
- Ngày 07/05/2018 Công ty thành lập công ty con với tên gọi Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc có mã số thuế 1702126206

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý:

Mô hình quản trị công ty gồm:

Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị,

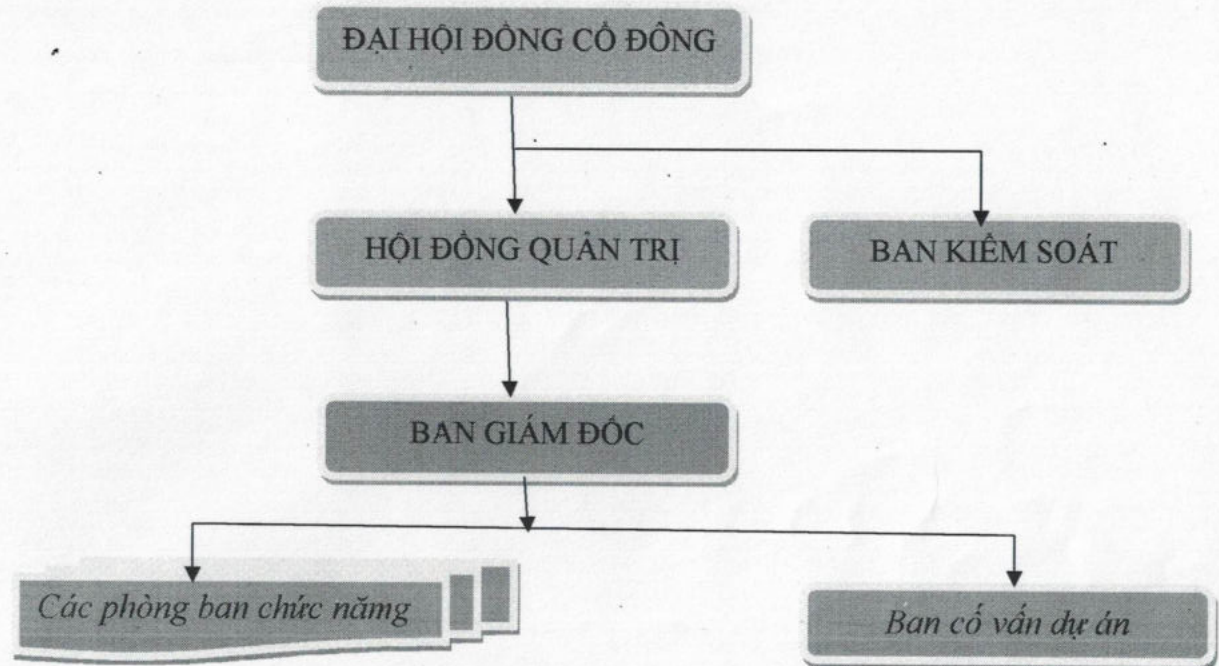
Ban kiểm soát,

Ban Tổng Giám đốc,

Các phòng ban chức năng.

Các phòng ban chức năng gồm:

- Phòng dự án
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng tổng hợp
- Phòng kỹ thuật
- Phòng hành chính



b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc	Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh bất động sản; Quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; Chủ sử dụng hoặc đi thuê	20.000.000.000	100%

5. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty	<ul style="list-style-type: none">• Tiếp tục khai thác các bất động sản đảm bảo tăng trưởng và lợi nhuận đều đặn, bền vững cho cổ đông, đối tác.• Tạo dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững, có hoạt động kinh doanh cốt lõi ổn định và chuyên đầu tư, xây dựng và quản lý chuỗi văn phòng hạng ba khách sạn Boutique chất lượng tốt tại các khu vực đang phát triển ở Việt Nam, tầm nhìn hướng tới thị trường quốc tế.
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	<ul style="list-style-type: none">• Xây dựng Công ty theo mô hình đa ngành nghề trong đó các hoạt động đầu tư văn phòng cho thuê và khách sạn vẫn là nền tảng, cụ thể sẽ đầu tư thêm 1 vài dự án tòa nhà văn phòng hay khách sạn phân khúc hạng trung, phù hợp với định hướng quản lý và phát triển đã đề ra.• Mở rộng sang một số lĩnh vực mới, đặc biệt là tham gia vào các lĩnh vực địa ốc, xây dựng dân dụng, vật liệu xây dựng.• Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn cũng như tạo công việc cho Công ty.
Các mục tiêu phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none">• Công ty luôn đảm bảo lợi ích cốt lõi của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.• Công ty tạo điều kiện tốt nhất để người lao động yên tâm công tác và phát huy hết khả năng của mình, mang lại hiệu quả cao nhất. Xây dựng môi trường làm việc có văn hóa, văn minh, lịch sự, phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập của thời đại.• Tham gia các công tác xã hội, hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...nhằm chia sẻ, giúp đỡ địa phương, đồng bào khó khăn; xây dựng, củng cố và quảng bá hình ảnh thân thiện, gần gũi của công ty, của người lao động đối với chính quyền và dân cư ở địa bàn hoạt động.

6. Các rủi ro

- Rủi ro ngắn hạn của Công ty được đánh giá là rất thấp, do hiện nay hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý và cho thuê bất động sản, vị trí bất động sản của Công ty đặt tại khu vực thuận tiện kinh doanh.
- Rủi ro trong trung và dài hạn không cao do Công ty đã lên kế hoạch chọn đơn vị quản lý có uy tín, đào tạo nhân sự để đảm bảo vận hành tốt trong quá trình xây dựng dự án Phú Quốc.

- Ngoài ra, Công ty cũng đảm bảo các quy định về xây dựng, do đó, không có rủi ro nào về môi trường phát sinh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So với KH 2018 (%)
1	Tổng doanh thu	đồng	26.000.000.000	6.918.901.014	26,61
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	5.000.000.000	1.185.664.019	23,71
3	Chi phí thuế TNDN	đồng	1.000.000.000	184.919.297	18,49
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	4.000.000.000	1.185.664.019	29,64
5	Vốn điều lệ	đồng	111.000.000.000	111.000.000.000	100
6	Tỷ lệ cổ tức	%	3,6	1,07	29,72
7	Cổ tức dự kiến chia	%	2,7	0	0

Nguồn số liệu: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2018

- Nguyên nhân của việc sụt giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch: Trong năm 2018 công ty có đặt kế hoạch kinh doanh thương mại một số sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với lợi thế và kinh nghiệm của ban lãnh đạo công ty, song do cảm nhận thị trường chưa thuận lợi cũng như tuân thủ nguyên tắc an toàn vốn, ban lãnh đạo công ty quyết định chỉ tập trung vào 2 mảng chính là cho thuê văn phòng và nguyên cứu tính khả thi, chuẩn bị đầu tư dự án khách sạn tại Phú Quốc. Việc sụt giảm lợi nhuận so với kế hoạch không làm giảm giá trị tài sản của công ty

do 2018 là năm công ty tiếp tục có sự tăng trưởng tốt về tiềm năng giá trị tài sản – chủ yếu là bất động sản tại các vùng có hạ tầng đang phát triển và có khả năng thu lợi lớn từ kinh doanh.

2. Tổ chức và nhân sự:**a) Danh sách Ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Ghi chú
1	Vũ Thị Kim Oanh	Giám đốc	1.000.000	
2	Nguyễn Đức Trung	Phó Giám đốc	550.000	
3	Nguyễn Thị Hồng	Kế toán trưởng	0	

Cụ thể:**❖ Bà Vũ Thị Kim Oanh – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**

Trình độ: Cao Đẳng Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác: Bà Vũ Thị Kim Oanh là lãnh đạo chủ chốt của Công ty từ nhiều năm qua. Hiện tại giữ chức thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: 1.000.000 cổ phiếu, tương ứng với 9% vốn điều lệ.

❖ Ông Nguyễn Đức Trung- Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Trình độ: Kỹ sư thiết kế đồ họa, Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác: Ông Nguyễn Đức Trung nằm trong ban lãnh đạo của Công ty và hiện tại vẫn đảm nhận chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: 550.000 cổ phiếu, tương ứng với 4,95% vốn điều lệ.

❖ Bà Nguyễn Thị Hồng- Kế toán trưởng

Trình độ: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác: Bà Nguyễn Thị Hồng từng làm Kế toán cho Công ty tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung và đũ được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung từ tháng 4/2017 tới nay.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: 0 cổ phiếu, tương ứng với 0% vốn điều lệ.

b) Trong năm 2018, Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi.

c) Cán bộ, nhân viên :

Thông kê cán bộ, nhân viên	<ul style="list-style-type: none">• Cán bộ quản lý: 5• Nhân viên nghiệp vụ: 14• Tổng số: 19
-----------------------------------	---

Chính sách đối với người lao động	<ul style="list-style-type: none">• Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã cam kết với người lao động đã được quy định trong Hợp đồng lao động, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên.• Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức tham quan, du lịch, dã ngoại, teambuilding. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.• Ngoài tiền lương, người lao động trong Công ty còn được hưởng chế độ khen thưởng tùy theo thành tích đạt được và các khoản thưởng nhân các dịp lễ, tết.
--	---

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn

Hiện tại công ty chỉ có 02 khoản đầu tư lớn gồm tòa nhà DTC tại 99A Cộng Hòa và khu đất xây dựng khách sạn tại Phú Quốc, các khoản đầu tư này vẫn đang sinh lợi và đem lại lợi thế lớn cho doanh nghiệp

b) Công ty Liên kết:

Công ty chỉ có 1 công ty con là Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc nhằm thực hiện dự án khách sạn Phú Quốc, đã trình bày chi tiết tại báo cáo tài chính.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	120.457.557.001	118.063.579.595	(1,99)
Doanh thu thuần	18.560.135.314	6.918.901.014	(62,72)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.432.450.119	1.370.583.316	(4,32)
Lợi nhuận khác	(408.053.557)	-	(100,00)
Lợi nhuận trước thuế	1.024.396.562	1.370.583.316	33,79
Lợi nhuận sau thuế	80.735.933	1.185.664.019	1.368,57
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	4%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,79	18,33	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,71	17,37	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,05	0,02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0	0
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,004	0,171
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,001	0,010
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,001	0,010
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,20

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 11.100.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: Là cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 11.100.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu : 0 cổ phần



b) Cơ cấu cổ đông :



STT	Danh mục	SL cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	2.700.000	24,32	2
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	2.700.000	24,32	2
2	Cổ đông nhỏ (Số lượng cp sở hữu < 5%)	8.400.000	75,68	131
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	8.400.000	75,68	131
3	Cổ đông trong nước	11.100.000	100	133
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	11.100.000	100	133
4	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		11.100.000	100	133

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	111.000.000.000	111.000.000.000	0

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ. Hiện số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ.

- e) Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành thêm loại cổ phiếu nào ngoài 11.100.000 cổ phiếu phổ thông đã được lưu hành trên thị trường chứng khoán.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về mặt tổng quan, năm 2018 công ty không đạt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra. Nguyên nhân của việc sụt giảm doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch là do công ty điều chỉnh lại hoạt động thương mại, chỉ tập trung vào 2 mảng chính là cho thuê văn phòng và nguyên cứu tính khả thi, chuẩn bị đầu tư dự án khách sạn tại Phú Quốc. Việc sụt giảm lợi nhuận so với kế hoạch không làm giảm giá trị tài sản của công ty do 2018 là năm công ty tiếp tục có sự tăng trưởng tốt về tiềm năng giá trị tài sản – chủ yếu là bất động sản tại các vùng có hạ tầng đang phát triển và có khả năng thu lợi lớn từ kinh doanh.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: trong năm 2018 công ty đã khảo sát nghiên cứu kỹ thị trường bất động sản và khách sạn tại Phú Quốc, đã chuẩn bị sẵn sàng để xây dựng dự án khách sạn tại đây. Hiện Công ty cũng đang triển khai các thủ tục xin giấy phép xây dựng, tuy nhiên do nguyên nhân khách quan về thủ tục pháp lý nên chưa thể hoàn thành đúng tiến độ dự kiến.

2. Tình hình tài chính

Nhìn chung về tình hình tài chính của công ty trong sạch, lành mạnh, không có khoản vay ngân hàng và do hoạt động chính là cho thuê văn phòng cùng với đầu tư nên các tỷ lệ thanh toán cũng như tài sản ổn định, không có biến động so với năm 2017.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2018 công ty có 1 số cải tiến về công tác quản trị như: cải thiện hoạt động tài chính kế toán để kịp thời tuân theo các chuẩn mực của công ty đại chúng, mục tiêu trong năm 2019 công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện quy trình quản trị cũng như thu hút các nhân sự có chất lượng cao phù hợp với mục tiêu xây dựng và quản lý khách sạn, tòa nhà văn phòng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong ngắn hạn và trung hạn, công ty tiếp tục thực hiện chiến lược đưa Đức Trung trở thành đơn vị chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, xây dựng và quản lý tòa nhà văn phòng, khách sạn; ngắn hạn sẽ hoàn thành việc xây dựng và đưa khách sạn Đức Trung Phú Quốc đi vào hoạt động ổn định; trung hạn sẽ đầu tư thêm 1 vài dự án tòa nhà văn phòng hay khách sạn phân khúc hạng trung, phù hợp với định hướng quản lý và phát triển đã đề ra.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty luôn đảm bảo lợi ích cốt lõi của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.
- Bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh ổn định, không ngừng được củng cố, hoàn thiện.
- Toàn thể CBCNV tin tưởng, đoàn kết, toàn tâm phấn đấu làm việc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đặt ra.
- Xây dựng môi trường làm việc có văn hóa, văn minh, lịch sự, phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập của thời đại.

2.Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai các chủ trương của HĐQT, chỉ đạo, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra. Ban Giám đốc đã xây dựng kế hoạch cụ thể một cách khoa học, thường xuyên kiểm tra, hội ý, thảo luận, trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác để điều hành và kinh doanh. Việc phân công từng thành viên trong Ban Giám đốc hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên.
- Ban Giám đốc thực hiện quy chế báo cáo thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực.
- Ban Giám đốc cũng chủ động trong việc tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

3.Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Xây dựng Công ty theo mô hình đa ngành nghề trong đó các hoạt động đầu tư văn phòng cho thuê và khách sạn vẫn là nền tảng, cụ thể sẽ đầu tư thêm 1 vài dự án tòa nhà văn phòng hay khách sạn phân khúc hạng trung, phù hợp với định hướng quản lý và phát triển đã đề ra.
- Mở rộng SXKD sang một số lĩnh vực mới đặc biệt là tham gia vào các lĩnh vực địa ốc, xây dựng dân dụng; vật liệu xây dựng;
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn cũng như tạo công việc cho Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1.Hội đồng quản trị:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỨC TRUNG

99A1, Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hiện HĐQT có 05(năm) thành viên, Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. HĐQT chưa thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)	Thành viên không điều hành	Thành viên điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại Công ty khác
1	Nguyễn Trọng Quân	Chủ tịch	1.700.000	15,32		x	
2	Vũ Thị Kim Oanh	Thành viên	1.000.000	9		x	
3	Nguyễn Đức Trung	Thành viên	550.000	4,95		x	
4	Trần Thị Thanh Bình	Thành viên			x		
5	Nguyễn Thị Hoàng	Thành viên			x		

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 03 cuộc họp. Các cuộc họp thành công tốt đẹp với những nội dung chính được thể hiện tóm tắt thông qua bảng tổng kết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ - HĐQT	22/03/2018	Chốt danh sách để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

2	02/2018/NQ - HĐQT	07/05/2018	Thành lập Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc.
3	03/2018/NQ-HĐQT	12/11/2018	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập :

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị ban hành những chủ trương Nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các Nghị quyết hoàn thành nhiệm vụ,...

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Công ty chưa lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ trong BKS	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	0,09
2	Ông Nguyễn Duy Tâm	Thành viên BKS	0
3	Ông Bùi Văn Bình	Thành viên BKS	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty, trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp để thông báo tình hình hoạt động kinh doanh Công ty và đánh giá triển khai công việc trong kỳ. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính; Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của Công ty. Giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình quy chế của Công ty. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh; trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc

phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Chi đạo bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty.

- Hàng quý, Ban Kiểm soát đã kiểm tra toàn diện hoạt động của các đơn vị trực thuộc, phát hiện kịp thời các sai sót trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp để đảm bảo đúng quy định của nhà nước, của công ty.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc: các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Tham gia soát xét báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh kiểm toán. Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động và tài chính báo cáo năm 2018 của Công ty.

❖ **Tự đánh giá chất lượng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018: Hoàn thành nhiệm vụ.**

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS tuân thủ theo quy định của Công ty về chế độ thù lao đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS, được ĐHĐCĐ thông qua tại mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
 - Thù lao cho Chủ tịch và các thành viên HĐQT là: 15.000.000vnd/người/tháng và 10.000.000vnd/người/tháng.
 - Thù lao cho Trưởng BKS là: 5.000.000 vnd/người/tháng.
 - Thù lao cho thành viên BKS là: 0 vnd/người/tháng.
- Ban Giám đốc hưởng lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và không có chế độ thù lao, cụ thể:
 - Giám đốc: 16.176.923 vnd/người/tháng
 - Phó Giám đốc: 10.023.077 vnd/người/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan của cổ đông nội bộ: Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Các giao dịch chính phát sinh trong năm của Công ty với công ty khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ liên quan	Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết HĐQT thông qua
Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc	Ông Nguyễn Trọng Quân- Chủ tịch HĐQT đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đức Trung Phú Quốc	07/05/2018	02/2018/NQ-HĐQT

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty chấp hành tương đối tốt pháp luật, điều lệ, các Nghị quyết, các quy định, quy chế Quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản và trong các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán:

2. Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách

kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3. Ý kiến kiểm toán viên :

Theo ý kiến của Chúng tôi Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Kim Oanh





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỨC TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
HO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

SỐ ĐĂNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG TÀI SẢN VÀ KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ NHẬT ĐỒNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HỢP NHẤT	08
PHỤ LỤC MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỨC TRUNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 – 23

Chức vụ

Hà Văn Tuấn Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Võ Thị Kim Loan.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp một cách trung thực và hợp lý với hình thức pháp lý của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của tập thể các đơn vị thành viên theo cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu:

- Lập báo cáo tài chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chuẩn sách kế toán thích hợp nhất.
- Dựa và các tài liệu kế toán (như sổ sách kế toán và thời gian).
- Nếu có các sự kiện kế toán không thể áp dụng các thủ tục kế toán, có những dự định sai lệch trong yêu cầu định lượng và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất.
- Tập thể báo cáo chi phí hợp nhất theo các quy định hiện hành và áp dụng hợp nhất theo chế độ kế toán Công ty và tập thể báo cáo chi phí hợp nhất.
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả hợp nhất theo chế độ kế toán và áp dụng hợp nhất theo chế độ kế toán và áp dụng hợp nhất.

Giám đốc chịu trách nhiệm về độ chính xác của báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính hợp nhất. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc áp dụng các chuẩn sách kế toán thích hợp nhất và áp dụng hợp nhất theo chế độ kế toán Công ty và tập thể báo cáo chi phí hợp nhất.

Giám đốc chịu trách nhiệm về việc áp dụng các chuẩn sách kế toán thích hợp nhất và áp dụng hợp nhất theo chế độ kế toán và áp dụng hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Quân	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng	Thành viên

Giám đốc

Bà Vũ Thị Kim Oanh	Giám đốc
--------------------	----------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Vũ Thị Kim Oanh.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Số: 037/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung và các công ty con (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy, số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán số 61014894/19583573 ngày 26/3/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

A blue ink signature of Nguyễn Ngọc Thạch.

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.929.247.988	11.177.486.822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	433.076.898	566.452.833
1. Tiền	111		433.076.898	566.452.833
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.978.367.439	10.090.008.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.690.319	3.597.756.059
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.975.677.120	1.978.677.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.999.000.000	4.513.575.000
III. Hàng tồn kho	140	8	517.521.196	521.025.810
1. Hàng tồn kho	141		517.521.196	521.025.810
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.455	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.455	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.134.331.607	109.280.070.179
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		78.575.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	78.575.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.051.710.989	1.482.281.309
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.051.710.989	1.482.281.309
- Nguyên giá	222		3.013.992.273	3.013.992.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.962.281.284)	(1.531.710.964)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	91.738.493.686	92.794.736.938
- Nguyên giá	231		97.248.288.820	97.248.288.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.509.795.134)	(4.453.551.882)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.265.551.932	15.003.051.932
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	15.265.551.932	15.003.051.932
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		118.063.579.595	120.457.557.001


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.773.077.757	6.352.719.182
I. Nợ ngắn hạn	310		541.744.270	6.235.940.294
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	70.400.000	3.612.334.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	14.167.144	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	115.770.755	100.758.991
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72.727.273	-
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		80.757.098	126.514.274
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	187.922.000	2.396.332.399
II. Nợ dài hạn	330		2.231.333.487	116.778.888
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.231.333.487	116.778.888
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.290.501.838	114.104.837.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	115.290.501.838	114.104.837.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.290.501.838	3.104.837.819
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.104.837.819	3.024.101.886
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.185.664.019	80.735.933
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		118.063.579.595	120.457.557.001


 Nguyễn Thị Hồng
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Giám đốc

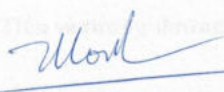
TP.HCM, Ngày 23 tháng 3 năm 2019

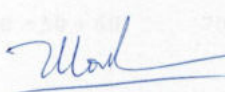
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.918.901.014	18.560.135.314
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	18	6.918.901.014	18.560.135.314
3. Giá vốn hàng bán	11	19	2.008.990.871	14.170.721.478
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.909.910.143	4.389.413.836
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.580.675	906.112
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.544.907.502	2.957.869.829
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 26}	30		1.370.583.316	1.432.450.119
8. Chi phí khác	32	23	-	408.053.557
9. Lỗ khác (40 = - 32)	40		-	(408.053.557)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.370.583.316	1.024.396.562
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	184.919.297	943.660.629
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.185.664.019	80.735.933
13. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.185.664.019	80.735.933
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	107	92


Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Oanh
Giám đốc

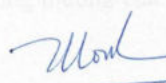
TP.HCM, Ngày 23 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.370.583.316	1.024.396.562
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.486.813.572	1.486.813.572
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.580.675)	(906.112)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.851.816.213	2.510.304.022
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.032.783.285	(2.829.889.014)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.504.614	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.563.696.945)	1.888.520.707
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(200.863.777)	(1.563.503.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.543.390	5.432.434
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(262.500.000)	(420.227.273)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.580.675	906.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(256.919.325)	(419.321.161)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(133.375.935)	(413.888.727)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	566.452.833	980.341.560
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	433.076.898	566.452.833


Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



TP.HCM, Ngày 23 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại Đức Trung theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301466299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 06/5/2016, sau đó điều chỉnh lần thứ 17 ngày 19/12/2016 tăng vốn từ 20 tỷ lên 111 tỷ.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 17, vốn điều lệ của Công ty là 111.000.000.000 VND, tương đương 11.100.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch là DTI theo quyết định số 1045/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 17 tháng 12 năm 2017.

Công ty có địa điểm kinh doanh tại B05 Mỹ Gia 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh môi giới bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt. Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Đức Trung Phú Quốc	Kiên Giang	100,00%	100,00%	Bất động sản

Công ty TNHH MTV Đức Trung Phú Quốc được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1702126206 ngày 07 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Lượt Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

(a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

(b) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại thuyết minh số 13;

(c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Vô thời hạn
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	8 – 15 năm

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc	Thành viên chủ chốt

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	19.921.478	99.682.766
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	413.155.420	466.770.067
Cộng	433.076.898	566.452.833

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	3.690.319	3.597.756.059
Công ty Cổ phần M.A.M Việt Nam	-	3.579.035.703
Đối tượng khác	3.690.319	18.720.356
Cộng	3.690.319	3.597.756.059

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	1.975.677.120	1.978.677.120
Công ty Cổ phần Rạng Đông (i)	1.935.677.120	1.935.677.120
Đối tượng khác	40.000.000	43.000.000
Cộng	1.975.677.120	1.978.677.120

- (i) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Rạng Đông liên quan đến việc chuyển nhượng đất nền dự án Khu biệt thự Royal Hill theo hợp đồng số 19/ROHILL/RDG ngày 29 tháng 01 năm 2010. Hiện tại, hai bên vẫn chưa hoàn thành xong các thủ tục chuyển nhượng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỨC TRUNG99A1 đường Cộng Hòa, Phường 4,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 03-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.999.000.000	4.513.575.000
Bà Vũ Thị Kim Oanh - Bên liên quan	3.619.000.000	4.435.000.000
Ông Nguyễn Trọng Quân - Bên liên quan	3.380.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	78.575.000
b) Dài hạn	78.575.000	-
Ký cược, ký quỹ	78.575.000	-
Cộng	7.077.575.000	4.513.575.000

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	517.521.196	-	521.025.810	-
Cộng	517.521.196	-	521.025.810	-

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	3.013.992.273	3.013.992.273
Số dư cuối năm	3.013.992.273	3.013.992.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.531.710.964	1.531.710.964
- Khấu hao trong năm	430.570.320	430.570.320
Số dư cuối năm	1.962.281.284	1.962.281.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	1.482.281.309	1.482.281.309
Tại ngày cuối năm	1.051.710.989	1.051.710.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TĂNG/GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	79.821.446.900	15.402.727.630	2.024.114.290	97.248.288.820
Số dư cuối năm	79.821.446.900	15.402.727.630	2.024.114.290	97.248.288.820
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	3.971.652.186	481.899.696	4.453.551.882
- Khấu hao trong năm	-	574.343.556	481.899.696	1.056.243.252
Số dư cuối năm	-	4.545.995.742	963.799.392	5.509.795.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	79.821.446.900	11.431.075.444	1.542.214.594	92.794.736.938
Tại ngày cuối năm	79.821.446.900	10.856.731.888	1.060.314.898	91.738.493.686

Bất động sản đầu tư cho thuê là tòa nhà tại số 99A1 Đường Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và số BE5-12A-H18 đường Phạm Văn Nghị, Khu Riverpark Residence, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của Bất động sản Đầu tư chưa được đánh giá và xác định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Giám đốc tin tưởng giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Danh mục Bất động sản đầu tư

STT Danh mục BĐSĐT	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế		Giá trị còn lại	
		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1 Nhà 99A I Cộng Hòa	9.249.112.000	880.867.800	440.433.900	8.368.244.200	8.808.678.100
2 Nhà BE5-12A-H18 (Phạm Văn Nghị) Khu Riverpark Residence	6.153.615.630	3.665.127.942	3.531.218.286	2.488.487.688	2.622.397.344
3 Thang máy Mitsubishi (nhà 99A I CH)	409.442.000	204.721.008	102.360.504	204.720.992	307.081.496
4 Hệ thống máy lạnh trung tâm Mitsubishi (nhà 99A I CH)	1.132.094.847	566.047.416	283.023.708	566.047.431	849.071.139
5 Máy phát điện (nhà 99A I CH)	482.577.443	193.030.968	96.515.484	289.546.475	386.061.959
6 QSD đất nhà 99A I CH	79.518.453.600	-	-	79.518.453.600	79.518.453.600
7 QSD đất nhà B 5-12A-H18 Q.7	302.993.300	-	-	302.993.300	302.993.300

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản tiền Công ty chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Sonasea Villas and Resort theo hợp đồng số 152/2015/CEOPQ-HĐHTĐT ngày 14/12/2015 và các chi phí tư vấn, thiết kế liên quan. Hiện tại, dự án này đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng, kỹ thuật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH ĐT&PT TM On Home Việt Nam	-	-	3.511.864.630	3.511.864.630
Đối tượng khác	70.400.000	70.400.000	100.470.000	100.470.000
Cộng	70.400.000	70.400.000	3.612.334.630	3.612.334.630

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	14.167.144	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bắc Mỹ	14.167.144	-
Cộng	14.167.144	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.257.498	479.850.516	(448.461.556)	46.646.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.863.777	184.919.297	(200.863.777)	64.919.297
Thuế thu nhập cá nhân	4.637.716	93.450.000	(93.882.716)	4.205.000
Các loại thuế khác	-	2.000.000	(2.000.000)	-
Cộng	100.758.991	760.219.813	(745.208.049)	115.770.755

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	187.922.000	2.396.332.399
Nhận ký quỹ, ký cược	187.922.000	2.396.332.399
b) Dài hạn	2.231.333.487	116.778.888
Nhận ký quỹ, ký cược	2.231.333.487	116.778.888
Cộng	2.419.255.487	2.513.111.287

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược là tiền đặt cọc cho thuê văn phòng thu từ khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	111.000.000.000	3.024.101.886	114.024.101.886
Lợi nhuận trong năm	-	80.735.933	80.735.933
Số dư đầu năm nay	111.000.000.000	3.104.837.819	114.104.837.819
Lợi nhuận trong năm	-	1.185.664.019	1.185.664.019
Số dư cuối năm	111.000.000.000	4.290.501.838	115.290.501.838

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.100.000	11.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.100.000	11.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Tên Cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Trọng Quân	1.700.000	17.000.000.000	15,32%	17.000.000.000	15,32%
Bà Vũ Thị Kim Oanh	1.000.000	10.000.000.000	9,01%	10.000.000.000	9,01%
Các cổ đông khác	8.400.000	84.000.000.000	75,68%	84.000.000.000	75,68%
Cộng	11.100.000	111.000.000.000	100,00%	111.000.000.000	100,00%

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận.

18. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.100.000	12.303.223.367
Doanh thu cho thuê văn phòng và các dịch vụ khác	6.917.801.014	6.256.911.947
Cộng	6.918.901.014	18.560.135.314

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.010.854	12.242.013.300
Giá vốn cho thuê văn phòng và các dịch vụ khác	2.007.980.017	1.928.708.178
Cộng	2.008.990.871	14.170.721.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.493.760	12.242.013.300
Chi phí nhân công	1.459.440.000	1.390.048.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.486.813.572	1.486.813.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.150.101.939	1.433.256.079
Chi phí khác bằng tiền	454.038.248	576.459.606
Cộng	<u>5.552.887.519</u>	<u>17.128.591.307</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.580.675	906.112
Cộng	<u>5.580.675</u>	<u>906.112</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.459.440.000	1.390.048.750
Chi phí vật liệu quản lý	2.493.760	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.570.320	430.570.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.365.174	560.791.154
Các khoản chi phí QLDN khác	454.038.248	576.459.606
Cộng	<u>3.544.907.502</u>	<u>2.957.869.829</u>

23. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	-	408.053.557
Cộng	<u>-</u>	<u>408.053.557</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	184.919.297	195.863.777
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	747.796.852
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>184.919.297</u>	<u>943.660.629</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.185.664.019	1.024.396.562
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.185.664.019	1.024.396.562
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.100.000	11.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	107	92

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	433.076.898	566.452.833
Nợ thuần	(433.076.898)	(566.452.833)
Vốn chủ sở hữu	115.290.501.838	114.104.837.819
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,00)	(0,00)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời, với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	433.076.898	566.452.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.081.265.319	8.111.331.059
Tổng cộng	7.514.342.217	8.677.783.892
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.489.655.487	6.125.445.917
Chi phí phải trả	72.727.273	-
Tổng cộng	2.562.382.760	6.125.445.917

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	433.076.898	-	-	433.076.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.002.690.319	78.575.000	-	7.081.265.319
Tổng cộng	7.435.767.217	78.575.000	-	7.514.342.217
Phải trả người bán và phải trả khác	258.322.000	2.231.333.487	-	2.489.655.487
Chi phí phải trả	72.727.273	-	-	72.727.273
Tổng cộng	331.049.273	2.231.333.487	-	2.562.382.760
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.104.717.944	(2.152.758.487)	-	4.951.959.457
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	566.452.833	-	-	566.452.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.111.331.059	-	-	8.111.331.059
Tổng cộng	8.677.783.892	-	-	8.677.783.892
Phải trả người bán và phải trả khác	6.008.667.029	116.778.888	-	6.125.445.917
Tổng cộng	6.008.667.029	116.778.888	-	6.125.445.917
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.669.116.863	(116.778.888)	-	2.552.337.975

Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư và các giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trong thuyết minh số 7 và 17; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc, thù lao HĐQT	340.600.000	338.600.000


28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có một khoản thuê hoạt động theo Hợp đồng ngày 04/6/2016 và Phụ lục gia hạn thời hạn thuê ngày 20/6/2018, về việc thuê căn nhà số B05, Mỹ Gia 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh làm địa điểm kinh doanh. Thời hạn thuê 02 năm kể từ thời điểm gia hạn thuê ngày 01/7/2018. Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

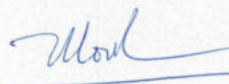
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	483.385.000	477.925.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất vì vậy, số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.



Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng




Vũ Thị Kim Oanh
Giám đốc

TP.HCM, Ngày 23 tháng 3 năm 2019